TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS - ST
Ngày: 23 - 5 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Phùng.

- Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/TLST - HS, ngày 10 tháng 4 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST - HS, ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Hồ Ngọc T (L), sinh năm 1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không có, chỗ ở hiện nay: không ổn định; Nghề nghiệp: không ổn định; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Th, sinh năm 1952 (chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1955 (chết); Tiền án: không; Tiền sự: không; nhân thân: Ngày 07 tháng 12 năm 1995 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản công dân" đã được xóa án tích, ngày 23 tháng 8 năm 1999 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" đã được xóa án tích, ngày 05 tháng 01 năm 2018 bị Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25 tháng 12 năm 2017; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Số XX Võ Văn M, Phường Y, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số XX Dương Văn D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

Kim Tuấn L, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lê Minh Q (N), sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Tôn Anh V, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp V, xã Vĩnh T, huyện Chợ L, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Lê Hoàng V, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Nguyễn Tấn G, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Huỳnh Tấn P, sinh năm 1948. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 08/CT - VKS - MCB, ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thể hiện: Khoảng 10 giờ ngày 12 tháng 7 năm 2017, Hồ Ngọc T thuê xe hon da ôm biển số 62R1 - xxxx do ông Nguyễn Văn M điều khiển chở T từ thành phố T, tỉnh Long An đến khu vui chơi giải trí H thuộc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để tìm anh Lê Hoàng V mượn tiền. Do không có V ở nhà nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông M. Để thực hiện ý định T kêu nước uống và thức ăn cho ông M, đồng thời để tạo lòng tin T nói khu vui chơi này là của đứa em và hỏi mượn xe của ông M đi lấy tiền khoảng 05 phút quay lại trả xe và tiền cho ông M, ông M tưởng thật nên đồng ý. T liền lấy xe chạy lên khu vực Bến xe C, Thành phố Hồ Chí Minh bán xe cho một người nam không rõ tên và địa chỉ được 2.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên T mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Theo hồ sơ định giá tài sản số 43/HĐĐG, ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, tỉnh Bến Tre xác định xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Sirius, số máy: 5C - 6415xxxx, số khung: RLCS5C6409Y - 15xxxx, biển số 62R1 - xxxx có giá trị 12.500.000 đồng.

Khoảng 09 giờ ngày 18 tháng 7 năm 2017, Hồ Ngọc T thuê xe hon da ôm biển số 62H3- xxxx do ông Nguyễn Thanh H điều khiển chở T từ Thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Bến Tre để mượn tiền. Khi đến xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì

T kêu ông H chở đến trại nuôi vịt của anh Nguyễn Tấn G ở ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để tìm người bạn mượn tiền nhưng không gặp nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông H. T kêu ông H ngồi đợi cho T mượn xe đi mua nước uống, ông H đồng ý. T lên xe chạy lên khu vực Bến xe C, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người phụ nữ tên T1 không rõ địa chỉ cùng nhau sử dụng ma túy chung. Sau đó T đổi xe chiếm đoạt được cho T1, lấy xe mô tô biển số 51K6- xxxx của T1 đưa cho Lê Minh Q (N) ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre sử dụng. Theo hồ sơ định giá tài sản số 42/HĐĐG, ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, tỉnh Bến Tre xác định xe mô tô hiệu HDMCO, số máy: VHVSG150FMG - 0000xxxx, số khung: VKVPCG0032L - 00xxxx, biển số 62H3 - xxxx có giá trị 3.500.000 đồng.

Sáng ngày 23 tháng 10 năm 2017, Hồ Ngọc T điện thoại rủ Kim Tuấn L đến quán T thuộc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để uống cà phê. Khoảng 09 giờ cùng ngày thì L chạy xe môt tô biển số 71B2 - 2xxxx đến và gặp T đang ở quán, tại đây L nhờ T mượn dùm 5.000.000 đồng. Nghe vậy T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của L nên nói dối là bà chị có tiền và hứa mượn tiền dùm L đồng thời kêu đưa xe của L đi mượn tiền cho nhanh, L tưởng thật nên đồng ý. Lấy được xe T chạy lên khu vực Bến xe C, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người nam không rõ tên và địa chỉ được 3.000.000 đồng, có tiền T mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Theo hồ sơ định giá tài sản số 62/HĐĐG, ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, tỉnh Bến Tre xác định xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave RSX.Fi, màu đen, số máy: A32E - 000xxxx, số khung: 3222 - EY00xxxx, biển số 71B2 - 2xxxx có giá trị 18.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội: Bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Hồ Ngọc T từ 18 đến 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã trao trả cho Kim Tuấn L một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B2 - 2xxxx mang tên Kim Tuấn L; tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Kingston, dung lượng 2GB do Lê Hoàng V giao nộp; tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô hiệu Kasai, màu đen, biển số 51K6 - xxxx, số khung: RMNWCHTMNZH 00xxxx, số máy: VHLFM152FMHV35xxxx của bị cáo để bảo đảm thi hành án; về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015: buộc bị cáo Hồ Ngọc T phải bồi thường giá trị tài sản mà bị báo đã chiếm đoạt cho ông Nguyễn Văn M số tiền 12.500.000 đồng, cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 3.500.000 đồng, cho anh Kim Tuấn L số tiền 18.000.000 đồng.

Bị cáo Hồ Ngọc T khai: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh H, Kim Tuấn L như nội dung

bản cáo trạng đã truy tố, thống nhất với kết quả định giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, bị cáo có ý định chiếm đoạt tài sản trước khi nhận được tài sản nên bị cáo nói dối để người bị hại giao tài sản cho bị cáo, bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại như kết quả định giá.

Người bị hại Nguyễn Văn M, Kim Tuấn L khai: Về diễn biến toàn bộ hành vi bị cáo chiếm đoạt tài sản giống như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, người bị hại thống nhất với kết quả định giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt và yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản như kết quả định giá, về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Hồ Ngọc T đã khai nhận toàn bộ các hành vi chiếm đoạt tài sản của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại về số lượng, đặc điểm, chủng loại tài sản, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng mà ông Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 12 tháng 7 năm 2017 đến ngày 23 tháng 10 năm 2017, bị cáo Hồ Ngọc T đã 03 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại, cụ thể ngày 12 tháng 7 năm 2017 chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn M 01 xe mô biển số 62R1 - xxxx theo kết quả định giá có giá trị 12.500.000 đồng, ngày 18 tháng 7 năm 2017 chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh H 01 xe mô tô biển số 62H3 - xxxx theo kết quả định giá có giá trị 3.500.000 đồng, ngày 23 tháng 10 năm 2017 chiếm đoạt của anh Kim Tuấn L 01 xe mô tô biển số 71B2 - 2xxxx theo kết quả định giá có giá trị 18.000.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành về hành vi và đạt về hậu quả, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt theo kết quả định giá là 34.000.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Quan điểm truy tố mà ông Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân mà cụ thể trong vụ án này là người bị hại Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh H, Kim Tuấn L, làm mất tình hình an ninh trật tự tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang, lo âu trong nội bộ quần chúng nhân dân, gây bất bình đối với dư luận xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi, đã nhiều lần chấp hành án được giáo dục, cải tạo lẽ ra sau khi trở về với cuộc sống đời thường bị cáo phải có ý thức tôn trọng pháp luật, tích cực lao động chân chính để làm ra của cải phục vụ cho các nhu cầu của bản thân và góp phần phát triển xã hội nhưng hoàn toàn ngược lại, với bản chất bất chấp, xem thường pháp luật, chay lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài cá

nhân đã lôi cuốn bị cáo dấn thân vào con đường phạm tội. Do đó bị cáo phải chịu sự trừng phạt của chế tài pháp luật hình sự đối với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Trong khi nghị án để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, cụ thể: ngày 07 tháng 12 năm 1995 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản công dân", ngày 23 tháng 8 năm 1999 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", ngày 05 tháng 01 năm 2018 bị Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng bị cáo 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong những khoảng thời gian độc lập nhau, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc ở mức cao nhất mà ông Kiểm sát viên đã đề nghị và áp dụng hình thức xử phạt tù có thời hạn, cách ly sự hoạt động bình thường của bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giúp bị cáo học tập, cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật và các quy tắc, chuẩn mực của đời sống xã hội, đồng thời cũng tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Do bị cáo không có nơi cư trú, nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể: ông Nguyễn Văn M yêu cầu bồi thường 12.500.000 đồng, ông Nguyễn Thanh H yêu cầu bồi thường 3.500.000 đồng, anh Kim Tuấn L yêu cầu bồi thường 18.000.000 đồng, bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã trao trả cho anh Kim Tuấn L một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B2 - 2xxxx mang tên Kim Tuấn L, xét thấy vật chứng nêu trên đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với các vật chứng còn lại cần áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử lý như sau: tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Kingston, dung lượng 2GB do Lê Hoàng V giao nộp; tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô hiệu Kasai, màu đen, biển số 51K6 - xxxx, số khung: RMNWCHTMNZH 00xxxx, số máy: VHLFM152FMHV35xxxx (do Lê Minh Q giao nộp) là tài sản bị cáo có được từ việc trao đổi tài sản do bị cáo phạm tội mà có để bảo đảm thi hành án.

[6] Xét về quan điểm luận tội của ông Kiểm sát viên tại phiên tòa, yêu cầu của những người bị hại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo Hồ Ngọc T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Hồ Ngọc T (L) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc T (L) 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 25 tháng 12 năm 2017).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Hồ Ngọc T (L) phải bồi thường cho người bị hại giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể: Bồi thường cho ông Nguyễn Văn M số tiền 12.500.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 3.500.000 đồng; bồi thường cho anh Kim Tuấn L số tiền 18.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Kingston, dung lượng 2GB do Lê Hoàng V giao nộp.

Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô hiệu Kasai, màu đen, biển số 51K6 - xxxx, số khung: RMNWCHTMNZH 00xxxx, số máy: VHLFM152FMHV35xxxx (do Lê Minh Q giao nộp) là tài sản bị cáo có được từ việc trao đổi tài sản do bị cáo phạm tội mà có để bảo đảm thi hành án (vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre quản lý).

4. Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc bị cáo Hồ Ngọc T (L) phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.700.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Về việc thi hành phần dân sự của bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án) (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Bến Tre (1b);
- CA huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Những người tham gia tố tụng (4b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HS, VP, THA (5b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Việt Thiện